



động, các cấp công đoàn trực thuộc; có các đề xuất kiến nghị cụ thể đối với Đảng, Nhà nước và Tổng LĐLĐ Việt Nam.

4. Số liệu trong Báo cáo chính trị và Báo cáo thống kê tính trong 5 năm (2018, 2019, 2020, 2021 và 2022).

## **II. VỀ CHỦ ĐỀ, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TẠI ĐẠI HỘI**

### **1. Về chủ đề Đại hội**

Chủ đề Đại hội là những định hướng lớn, tư tưởng chỉ đạo mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức Công đoàn trong những năm tới (chủ đề có thể là tiêu đề hoặc đưa vào phần mở đầu của báo cáo). Việc lựa chọn chủ đề Đại hội cần quán triệt một số nội dung:

(1) Phải xuất phát từ tình hình thực tiễn, đặc trưng của lực lượng đoàn viên công đoàn chủ yếu và xu hướng, dự báo phát triển trong thời gian tới;

(2) Thể hiện mục tiêu, trọng tâm xuyên suốt, động lực phát triển, chủ trương đột phá lớn trong nhiệm kỳ;

(3) Đảm bảo ngắn gọn, súc tích, tập trung nêu bật những thành tố quan trọng nhất.

*Việc lựa chọn chủ đề Đại hội là không bắt buộc.*

### **2. Bố cục Báo cáo, gồm 3 phần:**

2.1. Phần mở đầu: Nêu bối cảnh diễn ra Đại hội.

2.2. Phần thứ nhất: Đánh giá tình hình công nhân, viên chức, lao động và việc thực hiện Nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình trong nhiệm kỳ qua.

2.3. Phần thứ hai: Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của Công đoàn nhiệm kỳ tiếp theo 2023 - 2028. Những đề xuất, kiến nghị.

### **3. Nội dung Báo cáo: (Có gợi ý đề cương gửi kèm)**

#### **4. Một số vấn đề cần lưu ý**

- Phải có phụ lục số liệu so sánh giữa các năm trong nhiệm kỳ để làm rõ kết quả kèm theo báo cáo.

- Để Đại hội có nhiều thời gian dành cho đại biểu thảo luận, cần có báo cáo tóm tắt để trình bày tại Đại hội, báo cáo chi tiết để đại biểu nghiên cứu tại Đại hội và sau Đại hội (không trình bày toàn văn báo cáo chi tiết tại Đại hội).

- Nội dung các bản tham luận tại Đại hội không kể lể thành tích, cần chú trọng làm rõ những kinh nghiệm, đưa ra giải pháp, mô hình mới, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, có những kiến nghị, đề xuất.

## **III. THẢO LUẬN, LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀO DỰ THẢO VĂN KIẾN ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN**

1. Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện Đại hội Công đoàn cần nghiêm túc tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp, công đoàn cấp trên;

tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cấp ủy, công đoàn cấp dưới, của các đồng chí nguyên là cán bộ công đoàn các thời kỳ, cán bộ công đoàn và đoàn viên, người lao động.

2. Việc thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự thảo văn kiện của Đại hội phải được tiến hành nghiêm túc, trên tinh thần thẳng thắn và trách nhiệm, nội dung phải cụ thể; đồng thời qua thảo luận lựa chọn lĩnh vực cụ thể hóa vào văn kiện và nghị quyết Đại hội của cấp mình.

3. Hình thức thảo luận, đóng góp ý kiến vào văn kiện Đại hội có thể thực hiện dưới nhiều hình thức, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin: Tổ chức hội nghị, diễn đàn để lấy ý kiến tập trung; tổ chức các diễn đàn trực tuyến; gửi văn kiện xin ý kiến đóng góp trực tiếp...

4. Để việc thảo luận được tập trung, Ban Chấp hành công đoàn cấp triệu tập Đại hội cần xác định những nội dung trọng tâm, các vấn đề mới cần đặt ra đối với tổ chức và hoạt động công đoàn ở địa phương, ngành, đơn vị mình để thảo luận rộng rãi, yêu cầu cơ sở chuẩn bị tham luận tại Đại hội.

#### **IV. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC**

##### **1. Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành**

Trên tinh thần tự phê bình, phê bình nghiêm túc, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm tập thể của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các Ủy viên Ban Chấp hành; chỉ ra mặt được và hạn chế, yếu kém, rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm để đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong thời gian tới. Một số thành tố cơ bản gồm:

- Tình hình số lượng, cơ cấu, biến động Ban Chấp hành, Ban Thường vụ nhiệm kỳ 2018 - 2023.

- Kiểm điểm kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Cơ quan Công đoàn về ưu điểm, hạn chế trên các lĩnh vực: a) Quán triệt, thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào hoạt động của các cấp công đoàn; công tác phối hợp với chính quyền, đoàn thể, các cơ quan liên quan khác. b) Lãnh đạo triển khai, cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2018 - 2023. c) Lãnh đạo, chỉ đạo Đại hội công đoàn các cấp và chuẩn bị Đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Kiểm điểm lề lối làm việc, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nêu rõ ưu điểm, hạn chế; Kiểm điểm phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, nêu rõ ưu điểm, hạn chế.

- Đánh giá chung và một số kinh nghiệm.

##### **2. Về Nghị quyết Đại hội**

Nội dung nghị quyết cần ngắn gọn, xúc tích, đảm bảo được tinh thần chỉ đạo của cấp ủy đảng cùng cấp, công đoàn cấp trên và của Đại hội. Nghị quyết cần xác định các nội dung được thông qua tại Đại hội, gồm: Báo cáo chính trị; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành; tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo văn kiện

Đại hội công đoàn cấp trên; ý kiến sửa đổi Điều lệ Công đoàn Việt Nam; kết quả bầu Ban Chấp hành khoá mới và đại biểu đi dự Đại hội công đoàn cấp trên.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Liên đoàn Lao động tỉnh**

Các ban phối hợp với Văn phòng hướng dẫn, đôn đốc các cấp công đoàn cụ thể hóa trong quá trình xây dựng văn kiện trình Đại hội Công đoàn.

##### **2. Các LĐLĐ huyện, thành phố, CĐ ngành**

- Căn cứ Hướng dẫn này để xây dựng văn bản hướng dẫn và triển khai đối với các công đoàn cơ sở trực thuộc phù hợp với thực tiễn của ngành, địa phương, đơn vị.

- Xây dựng dự thảo báo cáo Đại hội công đoàn; tổ chức cho đoàn viên, người lao động các công đoàn trực thuộc, công đoàn cơ sở nghiên cứu và góp ý vào dự thảo báo cáo.

- Tổng hợp ý kiến đóng góp của đoàn viên, công nhân, viên chức lao động tại Đại hội công đoàn cấp dưới; hoàn chỉnh báo cáo chính thức trình tại Đại hội Công đoàn cấp mình.

- Dự thảo báo cáo Đại hội kèm theo bảng số liệu (*căn cứ theo gợi ý đề cương và biểu số liệu gửi kèm để xây dựng báo cáo và biểu số liệu phù hợp với thực tế tại địa phương, ngành*) gửi về LĐLĐ tỉnh (*qua Văn phòng*) trước khi diễn ra đại hội ít nhất 60 ngày để phục vụ công tác tổng hợp, bổ sung cho dự thảo văn kiện Đại hội công đoàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ X và phục vụ duyệt văn kiện Đại hội công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Số liệu Báo cáo tính trong 5 năm (2018, 2019, 2020, 2021 và 2022).

- Tổng hợp nhanh số liệu hoạt động nhiệm kỳ 2018 - 2023 (5 năm: 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022) gửi LĐLĐ tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo chính trị của Đại hội Công đoàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ X (*LĐLĐ tỉnh có văn bản và hướng dẫn cụ thể gửi các đơn vị sau*).

##### **3. Các công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ tỉnh**

- Căn cứ hướng dẫn này, xây dựng dự thảo báo cáo Đại hội công đoàn; tổ chức cho đoàn viên, người lao động nghiên cứu và góp ý vào dự thảo báo cáo.

- Tổng hợp ý kiến đóng góp của đoàn viên, người lao động để hoàn chỉnh báo cáo chính thức trình tại Đại hội Công đoàn cấp mình.

- Dự thảo báo cáo Đại hội kèm theo bảng số liệu (*căn cứ theo gợi ý đề cương và biểu số liệu gửi kèm để xây dựng báo cáo và biểu số liệu phù hợp với thực tế tại đơn vị*) gửi về LĐLĐ tỉnh (*qua Văn phòng*) trước khi diễn ra đại hội ít nhất 15 ngày để phục vụ công tác tổng hợp, bổ sung cho dự thảo văn kiện Đại hội công đoàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ X và phục vụ duyệt văn kiện Đại hội công đoàn cơ sở. Số liệu Báo cáo tính trong 5 năm (2018, 2019, 2020, 2021 và 2022).

- Tổng hợp nhanh số liệu hoạt động nhiệm kỳ 2018 - 2023 (5 năm: 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022) gửi LĐLĐ tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo

chính trị của Đại hội Công đoàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ X (LĐLĐ tỉnh có văn bản và hướng dẫn cụ thể gửi các đơn vị sau).

Đề nghị các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Văn phòng) để phối hợp giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Tổng LĐLĐ Việt Nam (b/c);
- Ban Dân vận TƯ (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (b/c);
- Các LĐLĐ huyện, TP, CD ngành (t/h);
- Các Công đoàn cơ sở trực thuộc LĐLĐ tỉnh (t/h);
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Các Ban LĐLĐ tỉnh (t/h);
- Lưu: VT, VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đình Quang Chúc**

## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2018 - 2023**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HD-LĐLĐ ngày /10/2022 của LĐLĐ tỉnh)

#### **PHẦN MỞ ĐẦU**

- Nêu bối cảnh diễn ra Đại hội

#### **PHẦN THỨ NHẤT**

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CNVCLĐ VÀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN NHIỆM KỶ QUA**

#### **I. TÌNH HÌNH CNVCLĐ NHIỆM KỶ 2018 - 2023**

1. Trước hết cần làm rõ bối cảnh tình hình, đặc điểm của ngành, địa phương, đơn vị trong 5 năm qua; những diễn biến mới đáng lưu ý và ảnh hưởng của tình hình đó đối với hoạt động công đoàn.

2. Đánh giá tình hình công nhân, viên chức, lao động: Tập trung phân tích, đánh giá về một số vấn đề chủ yếu của đội ngũ công nhân, viên chức, lao động về: Số lượng, cơ cấu và chất lượng, lao động và việc làm, tiền lương, thu nhập và đời sống, nhà ở và điều kiện sống, điều kiện làm việc, quan hệ lao động, tranh chấp lao động, tình hình tư tưởng, tâm trạng.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

- Căn cứ Nghị quyết, các Chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp mình đề ra; căn cứ mục tiêu, phương hướng, nội dung mục tiêu và chỉ tiêu hoạt động chủ yếu trong Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ IX đề ra, cụ thể hóa chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp để kiểm điểm, phân tích và đánh giá những kết quả đạt được trong việc thực hiện từng nhiệm vụ (*đánh giá rõ những nhiệm vụ nào thực hiện đạt kết quả tốt, những nhiệm vụ nào còn chưa phù hợp, không thực hiện được, nêu rõ lý do*); những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; rút ra những bài học kinh nghiệm. Tập trung vào các nội dung hoạt động trọng tâm sau:

#### **1. Thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên và người lao động**

- Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Đề án số 01/ĐA-LĐLĐ, ngày 8/5/2019 của LĐLĐ tỉnh về nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn thực hiện tốt chức năng chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên, CNVCLĐ.

- Đánh giá kết quả tham gia với các cơ quan nhà nước, lãnh đạo đơn vị, chủ doanh nghiệp trong việc xây dựng, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, người lao động và tổ chức công đoàn, như: Việc làm, tiền lương, nhà ở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, An toàn vệ sinh lao động, chế độ phúc lợi, nội quy, quy chế...

Kết quả Công đoàn thực hiện giám sát và phản biện theo Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị; Công đoàn tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến đoàn viên, người lao động.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 44/KH-LĐLĐ, ngày 19/02/2020 của LĐLĐ tỉnh về Thực hiện Đề án nâng cao năng lực đối thoại và thương lượng tập thể giai đoạn 2019-2023, trong đó tập trung làm rõ kết quả nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể đã ký kết tại các doanh nghiệp; số lượng, chất lượng, nội dung, điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

Kết quả công đoàn tham gia các hội đồng tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc giải quyết các quyền lợi chính đáng của đoàn viên, người lao động, về công tác thi đua, khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo.

- Kết quả việc tham gia, phối hợp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, Hội nghị người lao động, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và đối thoại tại nơi làm việc để giải quyết những vấn đề mà công nhân, lao động quan tâm. Sự phối hợp của công đoàn với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ.

- Hoạt động tư vấn pháp luật công đoàn.

- Việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và nhu cầu, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động. Kết quả tham gia giải quyết các vướng mắc, bức xúc ở cơ sở, góp phần ngăn ngừa và giảm thiểu các vụ tranh chấp lao động và ngừng việc tập thể.

- Kết quả thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của Luật ATVSLĐ năm 2015; tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Tham gia xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

## **2. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên và người lao động**

- Đánh giá công tác tham gia phòng, chống dịch bệnh; chăm lo, hỗ trợ đoàn viên, người lao động bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 43/KH-LĐLĐ, ngày 18/02/2020 của LĐLĐ tỉnh về nâng cao phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động, giai đoạn 2020 - 2023; hiệu quả từ các thỏa thuận hợp tác mang lại cho đoàn viên công đoàn.

- Kết quả đề xuất, thương lượng với người sử dụng lao động về nâng giá trị bữa ăn ca của người lao động từ năm 2022 theo Kết luận số 03/KL-BCH, ngày 18/01/2022 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam; kiểm tra, giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng bữa ăn ca.

- Công tác vay vốn từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, các nguồn vốn khác khai thác tại địa phương, ngành để đoàn viên phát triển kinh tế gia đình, cải thiện thu nhập.

- Kết quả tổ chức các hoạt động chăm lo Tết Nguyên đán; thăm hỏi, hỗ trợ đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn; thăm hỏi gia đình chính sách, người có công; vận động đoàn viên tham gia đóng góp các quỹ xã hội, từ thiện; hỗ trợ đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn làm nhà ở...

### **3. Công tác tuyên truyền, vận động; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của đoàn viên và người lao động**

- Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về tổ chức Công đoàn Việt Nam.

- Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 52-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân, lao động khu công nghiệp, khu chế xuất”.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 76/KH-LĐLĐ, ngày 24/4/2021 của LĐLĐ tỉnh về đẩy mạnh công tác truyền thông Công đoàn đến năm 2023, trong đó tập trung làm rõ kết quả công tác truyền thông Công đoàn; sử dụng các ứng dụng tích cực của internet, mạng xã hội trong truyền tải thông tin và tương tác, chia sẻ với đoàn viên, người lao động. Đánh giá các hình thức tuyên truyền, PBGDPL phù hợp với CNVCLĐ, nhất là CNLĐ trong các loại hình doanh nghiệp.

- Hoạt động nắm bắt dư luận xã hội; xây dựng lực lượng nòng cốt đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

- Đánh giá kết quả hoạt động trong “Tháng Công nhân”, “Tháng ATVSLĐ”: Sự đổi mới trong tổ chức các hoạt động, kết quả đạt được và hiệu quả mang lại.

- Kết quả tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho CNVCLĐ; phong trào học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Kết quả triển khai phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Công tác tuyên truyền phòng chống TNXH, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống tác hại của thuốc lá; tuyên truyền về an toàn giao thông..

- Kết quả thực hiện Đề án số 04/ĐA-LĐLĐ, ngày 21/7/2020 của LĐLĐ tỉnh về triển khai cuộc vận động “Cán bộ, công chức, viên chức Bắc Kạn nói không với tiêu cực” giai đoạn 2020 – 2025 gắn với thực hiện công tác tham gia cải cách hành chính và phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”...

### **4. Công tác phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh**



- Kết quả thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, sử dụng phần mềm quản lý đoàn viên.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động công đoàn năm và việc triển khai các chương trình, kế hoạch đề ra.

- Duy trì, nâng cao chất lượng sinh hoạt theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

- Kiện toàn, bổ sung Ban Thường vụ, Ban Chấp hành công đoàn các cấp.

- Việc xây dựng và thực hiện các quy chế hoạt động của BCH công đoàn.

- Kết quả công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cán bộ công đoàn.

- Kết quả chấm điểm, đánh giá, xếp loại công đoàn cơ sở hằng năm.

- Công tác giới thiệu cán bộ công đoàn tham gia cấp ủy các cấp.

- Công tác vận động đoàn viên, CNVCLĐ tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham gia cải cách hành chính, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực.

- Kết quả giới thiệu đoàn viên cho Đảng xem xét, bồi dưỡng kết nạp Đảng.

- Kết quả thực hiện nghị Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị “Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”.

## **5. Các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, xã hội**

- Việc triển khai, phát động các phong trào thi đua hằng năm.

- Kết quả thực hiện các phong trào thi đua do Đại hội công đoàn tỉnh lần thứ IX tiếp tục phát động: “*Lao động giỏi, lao động sáng tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động*”; phong trào “*Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, chống các tệ nạn xã hội*”, phong trào “*Thi đua liên kết phục vụ nông nghiệp và Phát triển nông thôn*” gắn với phong trào “*Bắc Kạn chung tay xây dựng nông thôn mới*” góp phần phát triển kinh tế, xã hội; phong trào “*Học tập nâng cao trình độ mọi mặt đáp ứng yêu cầu sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước*”.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 48/KH-LĐLĐ, ngày 09/4/2022 của LĐLĐ tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-TLĐ, ngày 15/01/2020 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn gắn với Phong trào thi đua “*Đổi mới, sáng tạo, hiệu quả*” trong hoạt động công đoàn; phong trào thi đua “*Công nhân, viên chức, lao động Bắc Kạn nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19*”.

- Kết quả phối hợp với chính quyền thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh, Trung ương phát động: “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”, “*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”, “*Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển*”, “*Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hoá công sở*”; “*Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế*”; “*Thi đua đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2022*”.

- Công tác biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, phát hiện nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hoạt động hiệu quả (lưu ý số lượng, tỉ lệ khen thưởng đối với lao động trực tiếp).

- Chương trình “75 nghìn sáng kiến”, “Một triệu sáng kiến nỗ lực vượt khó, sáng tạo quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid- 19”.

- Thực hiện các công trình, sản phẩm thi đua chào mừng các ngày kỷ niệm và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, địa phương, ngành, công đoàn..

## **6. Công tác nữ công**

- Kết quả tham gia, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyền của lao động nữ; tham mưu giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của lao động nữ, hỗ trợ lao động nữ có việc làm bền vững, môi trường làm việc an toàn, bình đẳng.

- Hoạt động xây dựng gia đình công nhân, viên chức, lao động no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho lao động nữ. Các mô hình hỗ trợ nữ CNVCLĐ.

Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức nhân Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày gia đình Việt Nam 28/6, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10....

Công tác phối hợp với Hội phụ nữ cùng cấp thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ (*đối với các LĐLĐ huyện, thành phố*)

- Hoạt động của công tác nữ công và Ban Nữ công quản chúng của công đoàn các cấp, nhất là ở cấp cơ sở; việc giới thiệu cán bộ, đoàn viên, lao động nữ ưu tú, tiêu biểu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, công đoàn để đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ lãnh đạo.

## **7. Công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn**

Đánh giá khái quát hoạt động kiểm tra, giám sát công đoàn; hoạt động của Ủy ban Kiểm tra công đoàn các cấp theo chức năng, nhiệm vụ: Kết quả kiểm tra chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, công tác quản lý tài chính, tài sản công đoàn; giám sát của Ban Thường vụ; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo (*có Báo cáo riêng theo hướng dẫn của Ủy ban kiểm tra LĐLĐ tỉnh*).

## **8. Công tác tài chính công đoàn**

- Đánh giá việc thực hiện Công tác thu, chi, quản lý, sử dụng tài chính công đoàn theo quy định của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn.

- Kết quả phối hợp, đề nghị người sử dụng lao động thực hiện trích nộp kinh phí công đoàn theo quy định.

- Đánh giá công tác kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

## **9. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện**

- Đánh giá việc đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của BCH, BTV công đoàn trong hoạt động công đoàn.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII.

- Hướng về cơ sở, giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của công nhân, viên chức, lao động; khắc phục bệnh hành chính, hình thức, thành tích trong hoạt động công đoàn.

- Thực hiện sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, Mọi quan hệ phối hợp với các cơ quan, đoàn thể liên quan.

- Chế độ thông tin, báo cáo; cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động công đoàn.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ**

#### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu**

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của tổ chức công đoàn.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tổ chức công đoàn tham gia thực hiện.

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội công đoàn của cấp báo cáo.

#### **2. Kết quả thực hiện các khâu đột phá**

Kết quả thực hiện các khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội IX công đoàn tỉnh Bắc Kạn và đại hội công đoàn cấp mình đề ra.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả nổi bật**

#### **2. Những hạn chế, yếu kém**

#### **3. Nguyên nhân**

\* Nguyên nhân chủ quan

\* Nguyên nhân khách quan

#### **4. Bài học kinh nghiệm**

### **PHẦN THỨ HAI**

## **MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA CÔNG ĐOÀN**

### **NHIỆM KỲ 2023 - 2028**

Dự báo tình hình 5 năm tới

#### **I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Các cấp công đoàn cần xác định mục tiêu tổng quát, trong đó cần tập trung vào mục tiêu xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam vững mạnh, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trong tình hình mới, là cơ sở chính trị - xã hội của Đảng, nhà nước; làm tốt vai trò cầu nối giữ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, nhà nước với giai cấp công nhân, NLĐ; phân đấu đến cuối nhiệm kỳ, hướng đến kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam, khẳng định vị thế của Công đoàn Việt Nam là trung tâm tập hợp, đoàn kết giai cấp công nhân và người lao động, đóng góp xứng đáng và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2. Chủ đề của đại hội (Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở cần phải có chủ đề đại hội; công đoàn cơ sở không nhất thiết phải có chủ đề)

### 3. Chỉ tiêu

Bám sát chỉ tiêu được đưa ra tại dự thảo văn kiện Đại hội X Công đoàn tỉnh Bắc Kạn, các cấp công đoàn lựa chọn và xây dựng chỉ tiêu của cấp mình cho phù hợp, đảm bảo triển khai hiệu quả (*Dự thảo văn kiện sẽ được gửi đến các cấp công đoàn xin ý kiến sau*).

## **II. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ**

### ***Gợi ý một số khâu đột phá cần tập trung thực hiện***

1. Tập trung nguồn lực thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, tập thể người lao động ở cơ sở, trọng tâm là đối thoại, thương lượng, ký kết TULĐTT, nhất là về tiền lương, điều kiện làm việc.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn, trọng tâm là chủ tịch CĐCS có trí tuệ, bản lĩnh, tâm huyết, trách nhiệm, uy tín.

3. Đổi mới phương thức hoạt động công đoàn, chuyển đổi số...

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Bám sát giải pháp được đưa ra tại dự thảo văn kiện Đại hội X Công đoàn tỉnh Bắc Kạn (*Dự thảo văn kiện sẽ được gửi đến các cấp công đoàn xin ý kiến sau*), các cấp công đoàn lựa chọn và xây dựng giải pháp nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của đoàn viên, người lao động

2. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động; đổi mới các phong trào thi đua yêu nước, phát huy vai trò của đoàn viên, người lao động đoàn kết xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. Xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, quan tâm thu hút người lao động, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp vào Công đoàn Việt Nam.

4. Thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng giai cấp công nhân hiện đại lớn mạnh, xây dựng Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

5. Nâng cao hiệu quả công tác nữ công, góp phần chăm lo, xây dựng đội ngũ nữ công nhân, viên chức lao động trong tình hình mới.

6. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính và công tác kiểm tra, giám sát để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn

7. Đổi mới phương thức hoạt động công đoàn thích ứng với bối cảnh tình hình mới.

## MỘT SỐ MẪU BIỂU THAM KHẢO

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU

Nghị quyết Đại hội công đoàn..... khóa ... nhiệm kỳ 2018 - 2023

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Nhiệm kỳ 2018 - 2023		
			Chỉ tiêu NQ đề ra	Kết quả thực hiện	So sánh
1					Vượt/đạt/ không
2					
3					
...	...	...	...	...	...

## I. TÌNH HÌNH CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC LAO ĐỘNG

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
	<b>1. Số lượng CNVCLĐ</b>						
1.1	Tổng số CNVCLĐ	người					
1.2	Trong đó số nữ CNVCLĐ	người					
1.3.	Tổng số đoàn viên công đoàn	người					
	<i>Trong đó số nữ đoàn viên công đoàn</i>	người					
1.4	Số đoàn viên khu vực doanh nghiệp						
	<i>Trong đó số nữ đoàn viên công đoàn khu vực doanh nghiệp</i>						
	<b>2. Việc làm</b>						
2.1	Số lao động thiếu việc làm	người					
2.2	Tỷ lệ so với tổng số lao động	%					
	<b>3. Tiền lương bình quân tháng của 1 người lao động ở khu vực HCSN</b>						
3.1	Khu vực HCSN	Nghìn đồng/ người/ tháng					
3.2	Khu vực doanh nghiệp	Nghìn đồng/ người/ tháng					
	<b>4. Thực hiện chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, BH TNLĐ-BNN</b>						
9.	Số lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN	người					
10.	Tỷ lệ so với tổng số lao động	%					
11.	Số doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN ( <i>từ 3 tháng trở lên</i> )	đơn vị					
12.	Số tiền doanh nghiệp nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN	triệu đồng					
	<b>5. Tranh chấp lao động tập thể, đình công</b>						
13.	Tổng số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra	vụ					

## II. ĐẠI DIỆN CHĂM LO, BẢO VỆ QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHÍNH ĐÁNG CỦA ĐOÀN VIÊN, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
	<b>1. Giám sát kiểm tra, việc thực hiện chế độ, chính sách với người lao động</b>						
1.1	Công đoàn chủ trì giám sát ( <i>theo QĐ 217</i> ) tại các đơn vị	Đơn vị					

1.2	Công đoàn tham gia giám sát tại các đơn vị	Đơn vị					
1.3	Tham gia kiểm tra	Đơn vị					
	<b>2. Ký thoả ước lao động tập thể</b>						
2.1	Số doanh nghiệp có tổ chức công đoàn ký thoả ước lao động tập thể	DN					
2.2	Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp	%					
	<b>3. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở</b>						
3.1	Cơ quan HCSN tổ chức HN CBCC,VC	đơn vị					
3.2	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan HCSN	%					
3.3	Doanh nghiệp tổ chức HN NLD	DN					
3.4	Tỷ lệ so với tổng số doanh nghiệp có tổ chức công đoàn	%					
3.5	Doanh nghiệp tổ chức đối thoại với người lao động	cuộc					
3.6	Tỷ lệ so với tổng số DN	%					
3.7	Đơn vị xây dựng quy chế dân chủ	đơn vị					
3.8	Đơn vị có ban Thanh tra nhân dân	đơn vị					
	<b>4. Hoạt động tư vấn pháp luật</b>						
4.1	Số văn phòng, tổ tư vấn pháp luật	vp, tổ					
4.3	Số cán bộ làm công tác tư vấn pháp luật	người					
4.3	Số cuộc trả lời, tư vấn pháp luật của Văn phòng, tổ tư vấn, các cấp công đoàn	người					
4.4	Số người được tư vấn pháp luật						
	<b>5. Công tác an toàn, vệ sinh lao động</b>						
5.1	Kiểm tra, tham gia kiểm tra công tác ATVSLĐ	Cuộc					
5.2	Tổ chức phát động tháng ATVSLĐ	Buổi					
5.2	Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ	Lớp					
	Số người tham gia	Người					
5.3	Đơn vị, DN tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (theo quy định Luật ATVSLĐ năm 2015)	Đơn vị					
	Số người được khám	Người					
	Mức khám bình quân/người	Đồng					
5.4	Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ					
	Số người chết	người					
	Số người bị thương	người					

	<b>6. Hoạt động xã hội, từ thiện</b>						
6.1	Ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện	Triệu đồng					
6.2	Thăm hỏi tặng quà tết, tặng quà đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn, đoàn viên mắc covid-19	Suất					
	Tổng trị giá	triệu đồng					
6.3	Hỗ trợ làm nhà Mái ấm công đoàn, Mái ấm tình thương, Nhà tình nghĩa...	nhà					
	Số tiền hỗ trợ	triệu đồng					
6.4	Thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách	Suất					
	Tổng trị giá	triệu đồng					
...	Các hoạt động khác.....	...					
	<b>7. Triển khai cho đoàn viên vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm (nếu có)</b>						
7.1	Số dự án (đơn vị vay)	dự án					
7.2	Số tiền cho vay	triệu đồng					
7.3	Số người được vay	người					

### III. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC ĐOÀN VIÊN, CNVCLĐ

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
	<b>1. Tuyên truyền giáo dục</b>						
1.1	CĐCS tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục	CĐCS					
1.2.	Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	%					
1.3.	Số cuộc tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật... do công đoàn tổ chức	cuộc					
1.4.	Số đoàn viên và người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Công đoàn	người					
	<b>2. Văn hoá, thể thao</b>						
2.1	Công đoàn cơ sở có tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao	CĐCS					



2.2	Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở	CĐCS					
2.3	Số cuộc hội thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	cuộc					
2.4	Số lượt người tham gia	người					
	<b>3. Tháng công nhân, tháng ATVSLĐ</b>						
3.1.	CĐCS có hoạt động hưởng ứng						
3.2	Số đoàn viên, NLD tham gia các hoạt động						
	<b>4. Học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp</b>						
4.1	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp	người					
4.1	Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ chính trị	người					
	<b>5. Giới thiệu đoàn viên cho Đảng</b>						
5.1	Công đoàn cơ sở có giới thiệu đoàn viên công đoàn cho tổ chức Đảng	CĐCS					
5.2	Số đoàn viên công đoàn kết nạp Đảng	người					

#### IV. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
	<b>1. Sáng kiến</b>						
2.1.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến					
2.2.	Giá trị làm lợi	triệu đồng					
2.3.	Tiền thưởng	triệu đồng					
	<b>2. Công trình sản phẩm thi đua</b>						
2.1	Số công trình, sản phẩm công nhận	công trình					
2.2	Giá trị công trình, sản phẩm thi đua công nhận	triệu đồng					
2.3	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng					
	<b>3. Danh hiệu LĐTT, TTLĐXS</b>						
6.	Tập thể	tập thể					
7.	Cá nhân	người					
	<b>4. Chiến sỹ thi đua các cấp</b>	người					

	<b>5. Cờ, Bằng khen của Tổng Liên đoàn</b>						
	<b>6. Cờ, bằng khen của LĐLĐ tỉnh, CĐ ngành Trung ương</b>						
	<b>7. Khen thưởng của LĐLĐ huyện, TP, CDN</b>						
	<b>8. Khen thưởng của công đoàn cơ sở</b>						
	<b>7. Khen thưởng Nhà nước</b>						

#### V. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, XÂY DỰNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
	<b>1. Tổ chức bộ máy công đoàn</b>						
	Tổng số công đoàn cơ sở	CĐCS					
	Chia ra các khu vực:...						
	<b>2. Tổng số cán bộ công đoàn</b>	người					
	<b>3. Phát triển đoàn viên</b>						
3.1	Số đoàn viên công đoàn phát triển mới	người					
3.2	Số công đoàn cơ sở thành lập mới	CĐCS					
	<i>Trong đó CĐCS doanh nghiệp ngoài nhà nước</i>	CĐCS					
	<b>4. Kết quả xếp loại CĐCS</b>						
4.1	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS					
4.2	Hoàn thành tốt nhiệm vụ						
4.2	Hoàn thành nhiệm vụ						
4.4	Không hoàn thành nhiệm vụ						
	<b>5. Công tác bồi dưỡng, tập huấn</b>						
5.1	Số lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ công đoàn	người					
5.2	Số cán bộ công đoàn được bồi dưỡng, tập huấn	người					

#### VI. CÔNG TÁC NỮ CÔNG

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
	<b>1. Ban nữ công quần chúng</b>						
1.1.	Số công đoàn cơ sở có Ban nữ công	CĐCS					
1.2.	Tỷ lệ so với tổng số công đoàn cơ sở đủ điều kiện thành lập Ban nữ công	%					
1.3.	Tổng số uỷ viên ban nữ công	người					
	<b>2. Câu lạc bộ nữ công</b>						

2.1	Số câu lạc bộ nữ công	CLB					
2.2	Số hội viên	người					
	<b>3. Danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”</b>						
3.1	Số nữ đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”	người					
3.2	Tỷ lệ so với tổng số nữ đoàn viên	%					
...	.....	...					

**Lưu ý: Căn cứ vào tình hình thực tế, các đơn vị lựa chọn các nội dung để xây dựng biểu số liệu cho phù hợp.**